

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 – VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-08-2025

“V/v ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 20 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17/04/2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/06/2025 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 05/TB-HNGĐ, ngày 30/06/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 31/07/2025 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Trúc H**, sinh ngày 11/05/1992 (xin vắng)

Nơi cư trú: Số nhà G, ấp B, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Bị đơn: Anh **Trương Thanh N**, sinh ngày 22/11/1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/03/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Trúc H trình bày:

Vào năm 2014, qua quen biết nên chị và anh Trương Thanh N tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/08/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian đầu, vợ chồng chung

sống rất hạnh phúc nhưng chỉ kéo dài đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng có sự khác biệt về quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi. Anh N không còn quan tâm, chăm sóc vợ con, mâu thuẫn gia đình ngày một trầm trọng. Do đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thanh N.

Về con chung: Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trương Thảo N1, sinh ngày 28/10/2016 và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Thanh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/06/2025, nguyên đơn chị Trần Thị Trúc H1 trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến khác.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị Trúc H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con”; bị đơn anh Trương Thanh N cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trương Thanh N đến tham dự phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt mà không có bất cứ văn bản nào trình bày lý do vắng mặt; nguyên đơn chị Trần Thị Trúc H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về pháp luật nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết nên chị H và anh N tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/08/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long), nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Phương T cho rằng nguyên nhân chị ly hôn là do vợ chồng có sự khác biệt về quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi. Anh N không còn quan tâm, chăm sóc vợ con, mâu thuẫn gia đình ngày một trầm trọng. Do đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, mạnh ai nấy sống, chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thanh N.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị H, anh N đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị H và anh N sống ly thân, mỗi người một nơi là đã vi phạm khoản 1, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[2]. Về con chung: Chị Trần Thị Trúc H khai có con chung với anh Trương Thanh N là cháu Trương Thảo N1, sinh ngày 28/10/2016 và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa*

án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Chị H là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và cháu N1 cũng có nguyện vọng sống chung với chị H. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu, tránh thay đổi môi trường sống của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Trúc H là giao cháu Trương Thảo N1, sinh ngày 28/10/2016 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị H nuôi con phải có nghĩa vụ tạo điều kiện, không cản trở anh N thực hiện quyền, nghĩa vụ của người cha là được thăm nom, chăm sóc con chung, nhằm giúp cho con chung của chị H và anh N được hỗ trợ về vật chất lẫn tinh thần giúp cháu phát triển, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Hội đồng xét xử xét thấy tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*" và khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*". Chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ, anh Trương Thanh N cũng chưa có văn bản nào trình bày về mức cấp dưỡng nuôi con và cung cấp tài liệu, chứng minh cho thu nhập của mình để phản bác lại yêu cầu của chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc yêu cầu cấp dưỡng của chị H là 2.000.000đ/tháng, hiện tại con sống với chị H ở Thành phố Hồ Chí Minh, chi phí cao hơn so với chi phí tại Vĩnh Long. Do đó để đảm bảo quyền lợi cho cháu N1, cần buộc anh N phải cấp dưỡng cho cháu mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Trường hợp có thay đổi cấp dưỡng thì thực hiện theo khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 116 quy định: "*Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*".

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Trần Thị Trúc H khai chưa yêu cầu, anh Trương Thanh N cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Trúc H được ly hôn với anh Trương Thanh N.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Trương Thảo N1, sinh ngày 28/10/2016 cho chị Trần Thị Trúc H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu.

Anh Trương Thanh N được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Buộc anh Trương Thanh N phải cấp dưỡng nuôi cháu Trương Thảo N1, sinh ngày 28/10/2016 mỗi tháng là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Trần Thị Trúc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N_Q 00021888 ngày 17/04/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (*Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Vĩnh Long*). Chị Trần Thị Trúc H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Bị đơn anh Trương Thanh N phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Vĩnh Long;
- UBND xã Cái Ngang, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo